TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG **----------*----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2021/DS-ST
Ngày 13/01/2021.
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thúy An.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm.

2. Ông Đoàn Văn Quang.

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Văn Nguyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 261/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Dương Thị Ngọc M**, sinh năm xxxx (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh T.

- Bị đơn: **Trần Thị Thu C**, sinh năm xxxx (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo Đơn khởi kiện ngày 30/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc M trình bày:* Vào năm 2019 (bà không nhớ ngày tháng cụ thể), bà có cho chị C vay số tiền 80.000.000 đồng, không tính lãi, thời gian vay là 01 tháng. Tuy nhiên đến thời hạn trả tiền chị C không trả tiền cho bà nên bà yêu cầu chị C viết biên nhận nợ, thỏa thuận mỗi ngày chị C trả cho bà 200.000 đồng đến khi hết nợ nhưng sau đó, chị C vẫn không trả tiền cho bà. Nay bà yêu cầu chị C trả số tiền vay còn nợ là 80.000.000 đồng, trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, bắt đầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị Thu C trình bày:* Trước đây (thời gian cụ thể chị không nhớ), chị có vay của bà M nhiều lần tiền, tổng cộng là 50.000.000 đồng, lãi suất là 30%/tháng nhưng chỉ

thỏa thuận miệng, không làm giấy tờ gì. Sau đó, chị không có khả năng trả lãi tiếp nên xin bà M cho trả vốn mỗi tháng 200.000 đồng nhưng bà M yêu cầu chị viết biên nhận nợ từ 50.000.000 đồng thành 80.000.000 đồng, tức là thêm 30.000.000 đồng tiền lãi thì bà M mới đồng ý cho chị trả mỗi ngày 200.000 đồng và thỏa thuận nếu chị ngưng không trả tiền tiếp thì hủy bỏ số tiền đã trả. Sau đó, chị trả được khoảng 03 – 04 tháng thì ngưng nhưng chị không có làm giấy tờ gì. Nay chị đồng ý trả lại bà M số tiền vay còn nợ là 80.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa bà M và chị C là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, bà M yêu cầu chị C có nghĩa vụ trả số tiền là 80.000.000 đồng, trả mỗi tháng 6.000.000 đồng, bắt đầu trả khi án có hiệu lực pháp luật. Nhận thấy, tại phiên tòa, chị C thừa nhận còn nợ bà M số tiền 80.000.000 đồng, do kinh tế gia đình khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng bà M không đồng ý. Do chị C đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M. Vì vậy, yêu cầu của bà M là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị C có nghĩa vụ trả lại bà M số tiền vay còn nợ là 80.000.000 đồng, trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, thực hiện lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật.

Về yêu cầu trả lãi, bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị C có nghĩa vụ trả nợ nên chị C phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bà M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** <u>Xử:</u> Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Ngọc M.**

- Buộc chị Trần Thị Thu C có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị Ngọc M số tiền 80.000.000 đồng *(Tám mươi triệu đồng)*, trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, thực hiện lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị C chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng chị C phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C phải chịu án phí là 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)*.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện GCĐ;
- CC THADS huyện GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An